

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QLCL-CL1
V/v mẫu chứng thư mới cho các lô hàng
thủy sản xuất khẩu vào Indonesia

Hà Nội, ngày tháng năm

Kính gửi:

- Các doanh nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu vào Indonesia;
- Các Trung tâm chất lượng nông lâm thủy sản vùng.

Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản nhận được công thư số 2691/BKIPM/VIII/2021 ngày 31/8/2021 của Cơ quan Kiểm tra và Kiểm dịch thủy sản (FQIA) - Bộ Hải dương và Thủy sản Indonesia thông báo về mẫu chứng thư cấp cho lô hàng thủy sản xuất khẩu vào Indonesia, cụ thể như sau:

- Áp dụng mẫu chứng thư mới cấp cho lô hàng thủy sản và sản phẩm thủy sản của Việt Nam xuất khẩu vào Indonesia kể từ ngày 10/9/2021 (ngày ký ban hành chứng thư).

(Mẫu chứng thư mới kèm theo).

- Indonesia chấp thuận mẫu chứng thư cũ kèm theo các lô hàng thủy sản và sản phẩm thủy sản của Việt Nam xuất khẩu sang Indonesia trước ngày 10/9/2021 (ngày ký ban hành chứng thư).

Do mẫu chứng thư nêu trên có nội dung hoàn toàn mới về yêu cầu chứng nhận các bệnh đối với giáp xác, cá da trơn, cá chép, cá rô phi,... dựa trên kết quả lấy mẫu và xét nghiệm bệnh theo OIE, Cục đã có văn bản đề nghị FQIA làm rõ một số thông tin liên quan và gia hạn thời gian áp dụng đối với nội dung chứng nhận về dịch bệnh trên chứng thư *(văn bản gửi kèm)*.

Trong thời gian chờ ý kiến phản hồi chính thức từ phía Indonesia, để tránh các vướng mắc trong quá trình xuất khẩu thủy sản vào Indonesia, Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thông báo và đề nghị các đơn vị như sau:

1. Các doanh nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu vào Indonesia

- Đăng ký thẩm định, chứng nhận lô hàng thủy sản và sản phẩm thủy sản xuất khẩu vào Indonesia theo mẫu chứng thư mới kể từ ngày 10/9/2021 theo yêu cầu của Cơ quan thẩm quyền Indonesia.

- Chủ động phối hợp với nhà nhập khẩu để xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc phát sinh (nếu có) trong quá trình sản xuất xuất khẩu thủy sản vào thị trường này.

2. Các Trung tâm chất lượng nông lâm thủy sản vùng

- Chuyển tiếp văn bản này tới các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản vào Indonesia trên địa bàn.

- Thực hiện thẩm định, chứng nhận theo mẫu chứng thư mới cho các lô hàng thủy sản và sản phẩm thủy sản đăng ký xuất khẩu vào Indonesia kể từ ngày

10/9/2021 theo đúng quy định hiện hành. Trong đó, đối với sản phẩm, loài thủy sản không có tên tại điểm c mục “Attestation” (ví dụ: nhóm nhuyễn thể): gạch ngang các nội dung thuộc điểm c mục “Attestation” trên chứng thư; đối với sản phẩm, loài thủy sản có tên tại điểm c mục “Attestation”, do đang chờ ý kiến phản hồi chính thức của Cơ quan thẩm quyền Indonesia nên trước mắt chưa đánh dấu (tick) vào các nội dung về chứng nhận bệnh tại điểm c mục “Attestation” trên chứng thư.

Cục sẽ có văn bản đề nghị Viettel cập nhật mẫu chứng thư mới của Indonesia lên hệ thống một cửa quốc gia. Trong thời gian này, các đơn vị thực hiện cấp chứng thư giấy theo mẫu mới cho các lô hàng thủy sản xuất khẩu vào Indonesia (có kết quả thẩm định đạt yêu cầu).

Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn vướng mắc, các đơn vị cần kịp thời liên hệ với Cục để được giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PCT Lê Bá Anh (đề biết);
- Chi cục Trung bộ, Nam bộ;
- Hiệp hội VASEP;
- Lưu: VT, CL1.

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Như Tiệp

Phụ lục
Mẫu chứng thư áp dụng cho các lô hàng thủy sản xuất khẩu vào Indonesia
(Ban hành kèm theo công văn số /QLCL-CL1 ngày /9/2021 của Cục QLCLNLS&TS)



MINISTRY OF AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT - SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
 NATIONAL AGRO-FORESTRY-FISHERIES QUALITY ASSURANCE DEPARTMENT (NAFIQAD)

BRANCH ...

HEALTH CERTIFICATE FOR FISH AND FISHERY PRODUCTS
 EXPORTED TO THE REPUBLIC OF INDONESIA
 SERTIFIKAT KESEHATAN IKAN DAN PRODUK PERIKANAN YANG DIEKSPOR
 KE NEGARA REPUBLIK INDONESIA

Number/Nomor:.....

Description of fish and fishery products/Deskripsi ikan dan produk perikanan :

No	Common name/ Nama umum	Scientific name/ Nama ilmiah	HS code/ Kode HS	Quantity/ Jumlah	Unit
1					
TOTAL					

1. Consignor/ Pengirim barang Name/ Nama: Address/ Alamat:		2. Competent authority/ Otoritas kompeten	
3. Consignee/ Penerima barang Name/ Nama: Address/ Alamat:			
4. <input type="checkbox"/> Aquaculture establishment/ unit Pembudidayaan Ikan <input type="checkbox"/> Fish processing establishment/ Unit Pengelolaan Ikan <input type="checkbox"/> Others/ Lainnya Name/ Nama : Establishment ID Number/ No Registrasi:			
5. Country and region of origin/ Negara dan daerah asal:		6. Source/ Sumber: <input type="checkbox"/> farm-raised/ budidaya <input type="checkbox"/> wild-caught/ tangkap	
7. Port of shipment/ pelabuhan pengeluaran:		8. Means of transport/ Alat transportasi: <input type="checkbox"/> Aeroplane/ Angkatan udara <input type="checkbox"/> Ship/ Angkatan laut	
9. Description of commodity/ Deskripsi komoditas:		10. Temperature of the commodity/ Temperatur komoditas: <input type="checkbox"/> ambient/ suhu ruang <input type="checkbox"/> frozen/ beku <input type="checkbox"/> chilled/ dingin	
11. Commodities intended for uses as/Komoditas diperuntukkan sebagai: <input type="checkbox"/> Human consumption/ Konsumsi manusia <input type="checkbox"/> Culture/ breeding (broodstock, eggs, gametes)/ Budidaya <input type="checkbox"/> Trade/ diperdagangkan <input type="checkbox"/> Research & Investigation/ Penelitian dan pemeriksaan <input type="checkbox"/> Fish feed/baits/ Pakan/ umpan pancing <input type="checkbox"/> Exhibition/ pameran <input type="checkbox"/> Other/ lainnya		12. Total number of package, associated batch numbers and number of packages per batch/ Jumlah kemasan total terkait nomor batch dan kemasan per batch *(information on batch see attachment if insufficient/informasi tentang batch dapat dibuat pada lampiran jika kolom tidak cukup)	
13. Type of packaging/ Jenis kemasan:		14. Total quantity(kg)/ Jumlah total (kg):	
15. Identification of container/ seal number Identifikasi kontainer/ nomor segel:		16. Port of destination/ Pelabuhan tujuan:	
17. Identification of transport/ Identitas alat transport Name of vessel/nama kapal: Voyage number/nomor penerbangan:		18. Date of departure/ Tanggal pengiriman:	
19. Testing laboratory/ Laboratorium penguji:		Address/ Alamat:	
Approving officer/ Penanggungjawab laboratorium:		Test result number/ Nomor laporan hasil uji:	
Signature/ tanda tangan			

Ref. Number:

Attestation

The undersigned certifying official certifies that product(s) / Pejabat penandatanganan sertifikat di bawah ini menyatakan bahwa produk:

- Finfish/ Ikan bersirip Mollusca/ Moluska Crustacea/ Krustasea Fishery product/ Produk perikanan Others/ Lainnya

Others described above satisfy(s) the following requiremts / yang diuraikan di atas memenuhi persyaratan berikut:

- a. The Product from each batch/Commodity from population *) described above have been processed, inspected and graded in (an) establishment(s) that has been approved by and under control of the Competent Authority/ Produk tersebut di atas telah diproses, diinspeksi dan dinilai dalam kondisi yang telah disetujui oleh dan di bawah Otoritas Kompeten
- b. Have been handled, prepared or processed, identified, stored and transported under a competent HACCP and sanitary programme consistently implemented and in accordance with the requirements laid down in Codex Code of Practice for Fish and Fishery Products (CAC/RCP 52-2003)/ telah ditangani, disiapkan atau diproses, diidentifikasi, disimpan dan ditransportasikan sesuai persyaratan sanitasi dan HACCP yang diterapkan secara konsisten dans sesuai dengan persyaratan yang ditetapkan Cdex Code of Practice for Fish and Fishery Product (CAC/RCP 52-2003)
- c. The Product from each batch/Commodity from population *) has been found to be free of disease based on sampling and testing method recognized by the World Organisation for Animal Health (OIE) for demonstrating absence of disease and inspected according to the appropriate procedures and subsequently found, at the time of inspection:/Produk/dari setiap batch pasca pengolahan bebas dari penyakit berdasarkan pengambilan sampel dan metode pengujian yang diakui oleh World Organisation for Animal (OIE) dan pada saat pemeriksaan:
- For crustacean declared free from AHPND, IHNV, YHV, TSV, WSSV, WTD, IMNV, LsNV and Crayfish plague.
(untuk jenis krustasea bebas dari AHPND, IHNV, YHV, TSV, WSSV, WTD, IMNV, LsNV dan Crayfish plague)
 - For cyprinidae declared free from SVC, KHV, RSD, and Furunculosis
(untuk jenis Corp bebas dari SVC, KHV, RSD, and Furunculosis)
 - For tilapia or oreochromis declared free from TiLV, IPNV, RSIVD, VNN, RSD, ESC and Furunculosis.
(untuk jenis Tilapia atau Oreochromis bebas dari TiLV, IPNV, RSIVD, VNN, RSD, ESC dan Furunculoasis)
 - For catfish declared free from CCVD, VHSV, RSD, Furunculosis, ESC and EUS.
(untuk jenis Catfish bebas dari CCVD, VHSV, RSD, Furunculosis, ESC dan EUS)
 - For other fish species, declared free in accordance with the list of fish diseases of OIE relevant to the susceptible species.
(untuk jenis ikan lainnya, mengikuti daftar penyakit hewan akuatik OIE yang relevan dengan spesies rentan tersebut)
 - To show no visible/ clinical signs of disease/
(tidak menunjukkan gejala penyakit secara visual/klinis:
 - The fish must be in shipping containers, holding units and/or conveyan that are either new cleaned and disinfected. The shipping containers and/or holding units must prevent release of the shipping contens (eg. Water or animals) while en route.
(ikan harus dikemas dalam container pengiriman, kemasan, dan/atau alat angkut yang baru atau dibersihkan dan didesinfeksi. Wadah pengiriman dan / atau kemasan atau alat angkut harus mencegah pelepasan isi pengiriman (mis. Air atau Ikan) saat sedang dalam perjalanan.
- d. For non edible product have been handled, prepared or processed, stored, transported based on biosecurity principles/
Produk non pangan telah ditangani, disiapkan atau diproses, disimpan, ditransportasikan berdasarkan prinsip biosekuriti
- e.

Additional information/Informasi tambahan

CERTIFIED DETAILS/ Detail penerbit sertifikat

Issued at/ Dikeluarkan On/ di

Name/ Nama:

Position/ Jabatan:

Issued at/ Lokasi:

Phone/ Telepone:

Fax/ Faksimili:

Email/ Surat elektronik:

Addres/ Alamat:

Stamp/ Stempel

Signature/ Tanda tangan

(Name of Official or Inspector/ Nama petugas atau Inspektur)